

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1512** /UBND-NNTN  
V/v lấy ý kiến về Quy hoạch  
điều chỉnh, bổ sung thủy lợi  
tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020

Quảng Ngãi, ngày **08** tháng 4 năm 2015

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
<b>CV ĐẾN</b>	Số:..... <b>2298</b> .....
	Ngày: <b>09/4/15</b>
	Chuyên:.....

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 5.

Thực hiện quy định tại Khoản 17, Điều 1, Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; hướng dẫn của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 tại Công văn số 1883/BTL-TC ngày 26/9/2014 về việc thẩm định các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quân khu và quy hoạch thể trận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, để đảm bảo cơ sở trước khi UBND tỉnh Quảng Ngãi tổ chức thẩm định, phê duyệt Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến 2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 xem xét, có ý kiến về hồ sơ thiết kế Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

**I. Một số thông tin về dự án**

1. Tên dự án: Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

2. Phạm vi vùng Quy hoạch: Gồm 13 huyện và thành phố Quảng Ngãi, thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

3. Mục tiêu dự án

- Đề xuất phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi tỉnh đến năm 2020 theo hướng hiện đại hoá, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thủy sản,... đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hoá nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, xoá đói giảm nghèo.

- Đề xuất phương án tối ưu để chủ động, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra, nâng cao mức đảm bảo tiêu thoát nước, chống úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái, từng bước thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

4. Nhiệm vụ dự án

a) Về cấp nước:

- Cấp, tạo nguồn cấp, tiêu nước cho khoảng 141.000 ha đất sản xuất lúa, màu, cây công nghiệp, cây lâu năm; nâng tần suất đảm bảo tưới lên 85%.

- Tạo nguồn, cấp nước cho 1.430 ha nuôi trồng thủy sản; cấp nước cho chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Tạo nguồn, cấp nước sinh hoạt và công nghiệp với mức đảm bảo 90% - 95%:

+ Cấp nước sinh hoạt cho những vùng thường xuyên bị thiếu nước: Huyện đảo Lý Sơn, khu Đông huyện Bình Sơn, các xã ven biển huyện Mộ Đức, Đức Phổ; cấp nước cho các khu đô thị: Thành phố Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi, khu du lịch Mỹ Khê (1.218.621 người hiện tại và khoảng 1.490.500 người đến năm 2020).

+ Cấp nước cho các khu công nghiệp và các ngành kinh tế xã hội khác: Khu kinh tế Dung Quất, khu công nghiệp Quảng Phú, khu công nghiệp Tịnh Phong, khu công nghiệp Phổ Phong.....

*b) Về tiêu nước:*

- Tiêu úng để phục vụ sản xuất nông nghiệp đối với các vùng trũng của tỉnh (Bao gồm: Vùng hưởng lợi công trình thủy lợi Thạch Nham, vùng hạ lưu sông Thoá, sông Trà Bồng, sông Vệ...)

- Tiêu úng cho các khu dân cư tập trung thuộc vùng đồng bằng, vùng trũng thấp; khu Đông huyện Bình Sơn, huyện đảo Lý Sơn.

- Tiêu úng cho các khu đô thị: Thành phố Vạn Tường, thành phố Quảng Ngãi, khu du lịch Mỹ Khê...; các khu công nghiệp: Khu kinh tế Dung Quất, Quảng Phú, Tịnh Phong, Phổ Phong, VSIP, ...

*c) Về phòng chống lũ:*

- Giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt gây ra; đồng thời đề xuất các giải pháp công trình phân lũ, làm chậm lũ, các công trình đa mục tiêu trên dòng chính; nghiên cứu đề xuất phương án nạo vét, thông luồng tại các cửa sông bị bồi lấp, nhằm tăng khả năng thoát lũ, hạn chế úng ngập vùng thượng lưu các cửa sông.

- Từng bước nâng cao khả năng chống lũ của hệ thống công trình thủy lợi, đề điều hiện có trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

*d) Về chống sạt lở bờ sông, bờ biển:* Hạn chế sạt lở bờ sông, bờ biển bằng biện pháp công trình và phi công trình.

*đ) Về hạn chế xâm nhập mặn:* Ngăn mặn giữ ngọt để phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

*e) Về thủy điện:* Khai thác hợp lý bền vững tài nguyên nước để phát điện.

*g) Các nhiệm vụ khác:*

- Duy trì dòng chảy tối thiểu trong sông vào các tháng mùa kiệt để đảm bảo khai thác hợp lý và bền vững nguồn nước mặt và nước ngầm.

- Đánh giá ảnh hưởng của việc đầu tư xây dựng đập dâng hạ lưu sông

Trà Khúc và các công trình dự kiến xây dựng trên dòng chính đến khả năng thoát lũ, xâm nhập mặn, bồi lắng phía thượng lưu và môi trường sinh thái liên quan.

- Đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường.

- Đề xuất nhiệm vụ của công trình thủy lợi Thạch Nham trong điều kiện thực tế hiện nay.

## **II. Nội dung quy hoạch**

### **1. Quy hoạch cấp nước**

#### *a) Cấp nước cho nông nghiệp*

##### *a1) Giải pháp cấp nước cho vùng thượng Trà Bồng*

- Đến năm 2020: Sửa chữa, nâng cấp 16 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 298 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 07 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 446 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp bổ sung 36 công trình để tưới thêm cho 375 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 15 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 491 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau quy hoạch, trong vùng còn khoảng 296 ha đất nông nghiệp ở những vùng cao do không chủ động được nguồn nước tưới từ các công trình thủy lợi nên thường xảy ra hạn, đề nghị chuyển sang trồng cây có khả năng chịu hạn cao như cây sắn (mỳ).

##### *a2) Giải pháp cấp nước cho vùng thượng Trà Khúc*

- Đến năm 2020: Sửa chữa, nâng cấp 20 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 226 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 26 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 433 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp bổ sung 51 công trình để đảm bảo tưới thêm 1.445 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 171 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 4.438 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau quy hoạch, trong vùng còn khoảng 526 ha đất nông nghiệp ở những vùng cao, do không chủ động được nguồn nước tưới từ các công trình thủy lợi nên thường xảy ra hạn, đề nghị chuyển sang trồng cây có khả năng chịu hạn cao như cây sắn (mỳ).

##### *a3) Giải pháp cấp nước cho vùng thượng sông Vệ*

- Đến năm 2020: Sửa chữa, nâng cấp 16 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 328 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 09 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 372 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp 25 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 423 ha lúa, màu, cây công nghiệp và Xây dựng mới 40 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 1.900 ha.

- Sau quy hoạch, trong vùng còn khoảng 552 ha đất nông nghiệp ở những vùng cao do không chủ động được nguồn nước tưới từ các công trình thủy lợi nên thường xảy ra hạn, đề nghị chuyển sang trồng cây có khả năng

chịu hạn cao như cây sắn (mỳ).

*a4) Giải pháp cấp nước cho vùng sông Trà Cầu*

- Đến năm 2020:

+ Sửa chữa, nâng cấp 05 công trình (trong đó có hồ Liệt Sơn và Núi Ngang) để đảm bảo tưới thêm 1.055 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 03 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 105 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

+ Sau nâng cấp và có nguồn nước từ hồ Nước Trong và hồ Thượng Kon Tum xả xuống, hệ thống Thạch Nham sẽ cấp nước tưới thêm cho vùng 237 ha.

+ Đối với phần diện tích phía Đông kênh Liệt Sơn và phía Nam của vùng (huyện Đức Phổ và Ba Tơ) nguồn nước tưới hiện nay tương đối khó khăn nên trong Quy hoạch đã đề xuất thêm các công trình dự kiến tập trung chủ yếu ở những khu vực này để cấp nước tưới cho những vùng khó khăn về nước. Trong đó, cần thiết xây dựng hồ Chóp Vung để tưới 200 ha cho vùng cao của xã Phổ Hòa và bổ sung nước vào hệ thống hồ Liệt Sơn.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp 13 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 147 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 16 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 693 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau quy hoạch, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp yêu cầu tưới trong vùng được đáp ứng.

*a5) Giải pháp cấp nước cho vùng hạ Trà Bồng-Trà Khúc-sông Vệ*

\* Tiểu vùng hạ Trà Bồng

- Đến năm 2020:

+ Sửa chữa, nâng cấp 08 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 119 ha lúa, màu, cây công nghiệp; không đề xuất xây dựng mới.

+ Sau nâng cấp và có nguồn nước từ hồ Nước Trong và hồ Thượng Kon Tum xả xuống, hệ thống Thạch Nham sẽ cấp nước tưới thêm cho vùng 450 ha.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp bổ sung 19 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 134 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 05 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 145 ha màu.

- Sau quy hoạch, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp yêu cầu tưới của vùng được đáp ứng.

\* Tiểu vùng hạ Trà Khúc

- Đến năm 2020:

+ Đề nghị nâng cấp 06 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 97 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 03 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 93 ha lúa, màu.

+ Sau nâng cấp và có nguồn nước từ hồ Nước Trong và hồ Thượng Kon Tum xả xuống, hệ thống Thạch Nham sẽ cấp nước tưới thêm cho vùng

1.783 ha.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp 22 công trình để đảm bảo tưới thêm 211 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 10 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 427 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Sau quy hoạch, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp yêu cầu tưới của vùng được đáp ứng.

\* Tiểu vùng hạ sông Vệ

- Đến năm 2020:

+ Sửa chữa, nâng cấp 03 công trình để đảm bảo tưới thêm 15 ha; không đề xuất xây dựng mới.

+ Sau nâng cấp và có nguồn nước từ hồ Nước Trong và hồ Thượng Kon Tum xả xuống, hệ thống Thạch Nham sẽ cấp nước tưới thêm cho vùng 2.869 ha.

- Sau năm 2020: Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp 12 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 44 ha lúa, màu, cây công nghiệp và xây dựng mới 02 công trình để đảm bảo tưới thêm cho 12 ha lúa.

- Sau quy hoạch, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp yêu cầu tưới trong vùng được đáp ứng.

*a6) Giải pháp cấp nước cho vùng Lý Sơn*

- Diện tích yêu cầu tưới đến 2020 toàn vùng là 317 ha. Trong vùng hiện có 01 công trình thủy lợi là hồ chứa Thới Lới (xây dựng năm 2010) tại xã An Hải, có nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt và tưới cho 60 ha màu (cây hành, tỏi).

- Quy hoạch đề xuất xây dựng hồ chứa Giếng Tiên để đảm bảo cấp nước cho khoảng 100 ha màu và bổ sung nguồn nước sinh hoạt cho huyện đảo.

b) Cấp nước cho sinh hoạt

*b1) Giải pháp cấp nước cho đô thị*

- Đối với thành phố Quảng Ngãi và các thị trấn huyện đồng bằng: đề xuất sử dụng nguồn nước của hệ thống Thạch Nham thông qua hệ thống đường ống riêng với công suất khoảng 151.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm. Riêng đối với thành phố Quảng Ngãi hiện khai thác nước ngầm tại cầu Trà Khúc với công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm, dự kiến đến năm 2020 nâng công suất lên thành 45.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

- Các trung tâm thị trấn các huyện miền núi sử dụng nước ngầm hoặc dẫn từ các sông suối, đảm bảo 3.000÷5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm cho mỗi thị trấn.

*b2) Giải pháp cấp nước cho vùng nông thôn:*

Vẫn là sử dụng nước ngầm tại chỗ là chủ yếu, phấn đấu đạt mục tiêu có 90% dân số vùng nông thôn đến 2020 được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

c) Cấp nước cho công nghiệp

*c1) Giải pháp cấp nước cho khu kinh tế Dung Quất:*

Nhu cầu nước toàn khu kinh tế Dung Quất đến 2020 là 345.585 m<sup>3</sup>/ng.đêm, nguồn cấp chủ yếu là dẫn nước từ hệ thống thủy lợi Thạch Nham.

*c2) Giải pháp cấp nước cho các khu công nghiệp tập trung khác:*

Khu công nghiệp Tịnh Phong; Khu công nghiệp Quảng Phú; Khu công nghiệp Phở Phong; Khu công nghiệp VSIP, khu công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước (khu kinh tế Dung Quất mở rộng) với tổng công suất yêu cầu khoảng 88.723 m<sup>3</sup>/ng.đêm từ nguồn cấp thủy lợi Thạch Nham và hồ chứa Núi Ngang.

*c3) Đối với các điểm công nghiệp nhỏ lẻ (Quy hoạch khoảng 20 cụm, điểm công nghiệp nhỏ lẻ có diện tích từ 5÷43 ha):*

Lấy nước từ hệ thống thủy lợi Thạch Nham, hệ thống cấp nước thành phố Quảng Ngãi hoặc khai thác nước ngầm tại chỗ.

d) Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản

*d1) Nuôi nước mặn lợ:*

Gồm nuôi bãi triều và nuôi tôm trên cát (tập trung chủ yếu ở các huyện Mộ Đức, Đức Phổ) với tổng diện tích đến năm 2020 khoảng 310ha. Nguồn nước cấp chủ yếu từ hệ thống thủy lợi Thạch Nham và các hồ chứa phía Tây huyện Đức Phổ, các sông Trường, sông Thoá.

*d2) Nuôi nước ngọt:*

Gồm nuôi trong ao hồ nhỏ, ruộng trũng và nuôi từ các công trình thủy lợi, thủy điện (tập trung nhiều ở các huyện Mộ Đức, Đức Phổ, Ba Tơ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Sơn Hà). Loại hình nuôi này chủ yếu tận dụng mặt nước ao hồ để nuôi nên không cần đề xuất giải pháp cấp nước.

## **2. Quy hoạch tiêu thoát nước**

a) Tiêu úng nội đồng

*a1) Vùng tiêu vào hạ lưu sông Trà Bồng:*

Giải pháp tiêu là nạo vét, khơi thông dòng chảy các trục tiêu hiện có, mở mới một số trục tiêu để tiêu thoát một số vùng như khu ngập úng Đồng Cự, Phá Lê huyện Bình Sơn.

*a2) Vùng tiêu Bắc sông Trà Khúc*

\* Khu tiêu Suối Kinh (khoảng 100ha): Giải pháp tiêu là nạo vét trục tiêu Suối Kinh, mở rộng các mặt cắt bị thu hẹp để tiêu thoát nước cho các cánh đồng thuộc xã Tịnh Thọ; đồng thời nạo vét trục tiêu B10 xã Tịnh Phong để dẫn nước tiêu thoát vào kênh tiêu Suối Kinh.

\* Khu Tiêu Sơn Tịnh (khoảng 20ha): Giải pháp tiêu là mở rộng khẩu độ cầu Thượng Phương và nạo vét khơi thông dòng chảy của trục tiêu Sơn Tịnh.

\* Khu tiêu Nậm Giang - Sông Phú Vinh (khoảng 135ha): Giải pháp tiêu là nạo vét kênh, phát dọn bèo lục bình để khơi thông dòng chảy, đồng thời cần quản lý, quy hoạch lại vùng nuôi tôm. Cần xây mới kênh tiêu ra cửa Sa Kỳ.

\* Khu Tiêu Sông Đông (khoảng 15 ha) và Khu Tiêu Nguyệt Nga (khoảng 95ha): Giải pháp tiêu là nạo vét kênh, phát dọn bèo lục bình để khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát. Chấp nhận ngập úng vào mùa

mưa.

### a3) Vùng tiêu Nam Sông Trà Khúc

\* Khu tiêu Tư Nghĩa (khoảng 20 ha): Giải pháp tiêu là nạo vét, khơi thông trục tiêu.

\* Khu ngập Bàu Nhá (trên 30 ha): Giải pháp tiêu là mở rộng mặt cắt sông Bàu Giang và tôn cao 2 bên bờ suối Ba Đơn đoạn qua khu Bàu Nhá.

\* Khu ngập đồng Miếu, đồng Cư (khoảng 100 ha): Giải pháp tiêu là nén dòng đoạn qua núi Cư và nạo vét, mở rộng đoạn sông thượng lưu An Định và Bàu Voi (Bàu Sáu).

\* Khu ngập đồng La Châu (khoảng 100ha): Giải pháp tiêu chủ yếu là nạo vét, mở rộng lòng suối thôn La Châu.

\* Khu đồng Tràm (khoảng 20ha): Giải pháp tiêu là nạo vét kênh N8-10 đảm bảo nhiệm vụ tưới tiêu.

\* Khu ngập xã Nghĩa Kỳ (khoảng 20ha): Giải pháp tiêu là tập trung xả cát đập Thạch Nham vào mùa lũ chính vụ để không ảnh hưởng sản xuất.

\* Khu ngập bàu Vòng, bàu Voi (khoảng 20ha): Giải pháp tiêu là đào kênh tiêu ra sông khoảng 300m

### b) Vùng tiêu Nam Sông Trà Câu (Đầm Lâm Bình)

Giải pháp công trình là xây dựng kênh cách ly cho khu tiêu Đầm Lâm Bình chạy từ Thủy Trạch (xã Phổ Cường) đến suối Cầu Mong dài 9km để tách lũ núi cho diện tích 38 km<sup>2</sup> để không cho chảy vào Đầm Lâm Bình và xây dựng trạm bơm tiêu cho 1.500 ha (là diện tích hứng nước của đầm); đồng thời nạo vét sông Trường dài khoảng 7km (đoạn từ cầu Sắt đến Mỹ Á) để đảm bảo tiêu thoát.

### c) Tiêu úng vùng sông Thoa

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư hoàn thành Dự án Tiêu úng, thoát lũ, chống sạt lở vùng hạ lưu sông Thoa, với quy mô như sau:

+ Nạo vét mở rộng mặt cắt trục tiêu chính dài khoảng 26km với bề rộng đáy từ 10-50m;

+ Nắn dòng cục bộ các đoạn xoắn ruột gà dài khoảng 3 km;

+ Đắp đê và gia cố hai bên đê của trục tiêu chính dài trên 20km với mục tiêu chống úng khi xảy ra lũ tiêu mãn, lũ sớm, lũ muộn (P =10%).

+ Sửa chữa/ xây dựng mới 84 công trình gồm: 04 đập lớn là đập An Quang, đập Bến Thóc, đập Cầu Đập, đập Phước Khánh; 56 cống tiêu, 10 cầu giao thông H5 và 14 trạm bơm tiêu cục bộ thời vụ (lưu động).

- Ngoài ra, trong vùng tiêu úng sông Thoa cần nạo vét một số kênh tiêu gồm: Rộc Kính, Tứ Đức, Bàu Súng, Gò Dành, Suối Nước Mặn, Năm Bàu, Mương Nha – Vinh Sỹ và Đá Bàn để đảm bảo dẫn nước về sông Thoa tiêu úng cho các xã phía Đông huyện Mộ Đức.

- Riêng đối với vùng nước nổi Mộ Đức như Đức Minh, Đức Phong và Đức Thắng cần nạo vét các trục tiêu hiện có, bố trí thêm kênh tiêu mới để dẫn

nước về các sông Vệ, sông Thoá.

### **3. Quy hoạch phòng chống lũ**

#### **a) Giải pháp phi công trình**

- Bố trí lịch thời vụ và giống cây trồng phù hợp.
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách về phòng, chống và hỗ trợ thiên tai.
- Kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban chỉ huy và đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống thiên tai các cấp.
- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng.
- Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.
- Tăng cường năng lực quản lý thiên tai lũ bão và ứng dụng khoa học công nghệ cho các cơ quan, đơn vị, lực lượng trong quản lý, ứng cứu thiên tai, các đối tượng dễ bị tổn thương,...
- Rà soát, điều chỉnh bổ sung và lập quy hoạch liên quan phòng, chống thiên tai: Quy hoạch phòng chống lũ cho các sông lớn, tái định canh, định cư,...
- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế.
- Thực hiện lồng ghép nội dung kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.
- Xây dựng và bố trí các điểm di dân tạm thời khi xảy ra lũ bão.
- Xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn trong vùng mưa lũ.

#### **b) Giải pháp công trình**

- Xây dựng tuyến đê bờ Bắc Trà Khúc: Từ vị trí giáp đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, cắt đường sắt Bắc Nam, nhập vào quốc lộ 1A tại cầu Trà Khúc và nối với đường Mỹ Khê - Trà Khúc tại hạ lưu đập Trà Khúc. Sau đó là tuyến đường Mỹ Khê - Trà Khúc nối với tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.
- Xây dựng tuyến đê bờ Nam Trà Khúc: Từ vị trí giáp đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi nối với đê Bàu Công, đê bao thành phố, nối với quốc lộ 1A và đường kè Nghĩa Dũng. Sau đó là đoạn còn lại của đường bờ Nam sông Trà Khúc đến cửa Cổ Lũy.
- Hồ ĐăkĐrinh với MNTL: 400 m, hồ Nước Trong với MNTL 115,5 m cũng tham gia giảm thiểu lũ lụt hạ du.
- Nạo vét bãi bồi dọc sông Trà Khúc từ cầu Trường Xuân tới cửa Cổ Lũy, nạo vét mở rộng cửa Cổ Lũy trên sông Trà Khúc và cửa Lở trên sông Vệ.
- Đối với lưu vực sông Trà Bông-Trà Câu: Chủ yếu nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các tuyến đê, kè chống sạt lở bờ sông.

### **4. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư**



Chi tiết có các Phụ lục 1-7 gửi kèm theo.

## **5. Giải pháp thực hiện quy hoạch**

a) Trình tự thực hiện Quy hoạch:

### *a1) Giai đoạn 2014-2020*

- Đẩy mạnh thực hiện đầu tư kiên cố hóa kênh mương các loại để nâng cao hiệu quả tưới và quản lý khai thác công trình; đặc biệt là nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống kênh Thạch Nham.

- Tập trung nâng cấp, sửa chữa 74 công trình hiện trạng các loại, trong đó đặc biệt ưu tiên đối với 32 công trình hồ chứa xuống cấp nghiêm trọng.

- Huy động vốn để đầu tư xây dựng mới 49 công trình vừa và nhỏ các loại có diện tích tưới thiết kế là 1.514 ha (lúa 814 ha; màu 475 ha, mía và cây công nghiệp 225 ha), kinh phí đầu tư khoảng 722,96 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước nuôi trồng thủy sản, công trình tiêu úng và công trình phòng chống lũ cấp thiết khác.

### *a2) Giai đoạn sau 2020*

- Tiếp tục triển khai thực hiện kiên cố hóa kênh mương nội đồng các công trình thủy lợi toàn tỉnh với kinh phí khoảng 2.717,06 tỷ đồng.

- Đầu tư sửa chữa, nâng cấp 178 công trình hiện trạng các loại, diện tích tưới tăng thêm là 2.778 ha lúa, màu, cây công nghiệp, kinh phí khoảng 1.320,46 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng mới 256 công trình nhỏ ở hầu hết các vùng thượng nguồn lưu vực sông, đảm bảo tưới cho 8.106 ha lúa, màu, cây công nghiệp.

- Đầu tư xây dựng các công trình cấp nước nuôi trồng thủy sản, công trình tiêu úng và công trình phòng chống lũ cấp thiết khác.

b) Giải pháp về vốn đầu tư

### *b1) Dự kiến phân kỳ vốn đầu tư:*

- Giai đoạn 2015-2020: Tổng vốn là 3.781.070 triệu đồng, trong đó:

+ Đầu tư công trình cấp nước tưới, NTTS: 3.290.880 triệu đồng,

+ Đầu tư công trình tiêu úng: 75.950 triệu đồng,

+ Đầu tư công trình phòng chống lũ: 414.240 triệu đồng.

- Giai đoạn sau 2020: Tổng vốn là 8.358.764 triệu đồng, trong đó:

+ Đầu tư công trình cấp nước tưới, NTTS: 7.532.289 triệu đồng,

+ Đầu tư công trình tiêu úng: 328.004 triệu đồng,

+ Đầu tư công trình phòng chống lũ: 498.471 triệu đồng.

### *b2) Một số giải pháp huy động vốn:*

- Huy động vốn trong nhân dân để kiên cố hoá kênh mương nội đồng.

- Các công trình thủy lợi miền núi có tính độc lập cần gắn với các chương trình lớn của chính phủ như: Chương trình 135, 132, 30A...

- Các công trình cấp nước nuôi trồng thủy sản nhà nước chịu phân đầu

tư tạo nguồn. Tư nhân đầu tư cấp nước đến khu nuôi trồng trên cơ sở hợp đồng kinh tế với các chủ trang trại.

- Các công trình lợi dụng tổng hợp phần thủy điện có thể dùng chính sách BOT để thu hút vốn đầu tư.

- Các công trình thủy lợi loại vừa và lớn phục vụ chuyên đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi với quy mô lớn cần thu hút nguồn vốn nhà nước, vốn ODA...

Trên đây là một số nội dung chính của Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 (có hồ sơ thiết kế Quy hoạch gửi kèm theo), UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 quan tâm xem xét góp ý./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư,  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN238.



**CHỦ TỊCH**

**Lê Việt Chữ**